

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 583/2023/DS-PT

Ngày: 19-5-2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Trương Việt Hồng.

Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLPT-DS ngày 09/02/2023 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 502/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1212/2023/QĐ-PT ngày 22/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4956/2023/QĐ-PT ngày 20/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; trụ sở: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Trung K, sinh năm 1974 hoặc ông Trần Hải Thanh S, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: 3 đường P, Khu dân cư H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 18/4/2022) (ông S có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Mạnh H, sinh năm 1964; Địa chỉ: B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Mạnh L, sinh năm 1989; Địa chỉ: P,

Tòa A, Số C, Ngõ G D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội – đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 07/3/2022) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Ngô Nguyễn Dạ T**, sinh năm 1995

3.2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: **B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của bà **T**, bà **T1**: Ông **Đỗ Mạnh L**. Có nơi cư trú trên - đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền của bà **T** ngày 13/4/2022, của bà **T1** ngày 22/9/2022) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2017 ông **Ngô Mạnh H** ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/17/01/0531 với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** (sau đây gọi tắt là: **Ngân hàng V**) **Chi nhánh T2** để vay số tiền 32.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 144 tháng, mục đích vay là mua nhà ở gắn liền với đất địa chỉ **Số E N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**, phương thức cho vay từng lần; lãi suất cho vay trong hạn thì đối với các khoản giải ngân đến hết ngày 31/3/2018 lãi suất cho vay 7,7%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi tiếp theo bằng lãi suất huy động vốn VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng 3,5%/tháng nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của bên cho vay tại thời điểm đó, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; đối với các khoản giải ngân sau ngày 31/3/2018 lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ 12 tháng trả lãi sau của **V** + 4%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của **V** và thay đổi 03 tháng/lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo biểu lãi suất thông báo của **V**; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 14/5/2019 ông **Ngô Mạnh H** ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0155 với **Ngân hàng V Chi nhánh T2** để vay số tiền 18.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua đất ở đối với quyền sử dụng đất tại thửa 413, 409 tờ bản đồ số 34, địa chỉ **5 B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**, phương thức cho vay từng lần; lãi suất cho vay 8,1%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi tiếp theo bằng lãi suất huy động vốn VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng 3,5%/tháng nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của bên cho vay tại thời điểm đó, kỳ điều chỉnh

lãi suất 03 tháng/lần; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 19/9/2019 ông **Ngô Mạnh H** ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0337 với **Ngân hàng V Chi nhánh T2** để vay số tiền 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay là thanh toán chi phí thi công san lấp mặt bằng cho thửa đất 410, 412 tờ bản đồ số 34, địa chỉ tại **B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**, phương thức cho vay từng lần; lãi suất cho vay 11%/năm, thay đổi theo thông báo của **Ngân hàng V** từng thời kỳ, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày 16/01/2020 ông **Ngô Mạnh H** ký Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/20/01/0030 với **Ngân hàng V Chi nhánh T2** để vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền sửa chữa nhà ở đối với địa chỉ **B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**, phương thức cho vay từng lần; đối với những khoản giải ngân trước ngày 31/3/2020 lãi suất cho vay 8,1%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi tiếp theo bằng lãi suất huy động vốn VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng 3,5%/tháng nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của từng sản phẩm theo thông báo của bên cho vay tại thời điểm đó, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; đối với những khoản giải ngân sau ngày 31/3/2020 theo thông báo lãi suất cho vay của bên cho vay tại thời điểm nhận nợ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên của ông **Ngô Mạnh H** gồm:

1. Quyền sử dụng đất có diện tích 172,7 m², thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 45 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ **B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH 00378 do **U**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2014.

2. Quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2541.5 m² thuộc thửa 410, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ **B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH 01771 do **UBND Quận B**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp 29/01/2019.

3. Quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 1846.2 m² thuộc thửa 412, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ **B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH 01772 do **UBND Quận B**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp 29/01/2019.

Kể từ sau khi nhận tiền vay, ông **H** không thanh toán cho ngân hàng để hoàn trả bất kỳ khoản nợ gốc nào như thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông **Ngô Mạnh H** thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Các khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/8/2021. Tuy nhiên đến nay, ông **H** vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng.

Do đó, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** yêu cầu ông **Ngô Mạnh H** trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 25/9/2022 theo các hợp đồng nêu trên tổng cộng là 73.180.888.874 đồng. Cụ thể:

1. Đối với Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/17/01/0531 ký ngày 28/11/2017 là 35.277.924.944 đồng, gồm:

- + Dư nợ gốc : 28.216.238.346 đồng
- + Dư nợ lãi trong hạn: 6.950.914.342 đồng
- + Lãi quá hạn: 110.772.256 đồng

2. Đối với Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0155 ký ngày 14/5/2019 là 23.219.376.911 đồng, gồm:

- + Dư nợ gốc: 18.676.294.594 đồng
- + Dư nợ lãi trong hạn: 4.494.681.021 đồng
- + Lãi quá hạn: 48.401.296 đồng

3. Đối với Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/19/01/0337 ký ngày 19/9/2019 là 12.542.029.311 đồng, gồm:

- + Dư nợ gốc: 9.937.600.000 đồng
- + Dư nợ lãi trong hạn: 2.577.728.095 đồng
- + Lãi quá hạn: 26.701.216 đồng

4. Đối với Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 017/20/01/0030 ký ngày 16/01/2020 là 2.141.557.708 đồng, gồm:

- + Dư nợ gốc: 1.928.596.861 đồng
- + Dư nợ lãi trong hạn: 208.785.328 đồng
- + Lãi quá hạn: 4.175.519 đồng

Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí tiếp tục phát sinh từ ngày 26/9/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng vay đã ký cho đến khi

ông **Ngô Mạnh H** thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Trường hợp ông **Ngô Mạnh H** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực phát luật thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông **Ngô Mạnh H** và bà **Ngô Nguyễn Dạ T** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 01/017/17/0376 ngày 28/11/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 01/017/17/0376 số 01/HĐSĐBS - 01/017/17/17/0376 ngày 14/5/2019 và Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/017/19/0306 ngày 19/9/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm, sau khi trừ đi chi phí hợp pháp, hợp lệ liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và các khoản nợ phải thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N**. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** thì ông **Ngô Mạnh H** phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản nợ gốc, lãi và phí còn lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** theo hợp đồng cho vay đã ký kết.

Ngày 05/10/2021 ông **H** được cấp thẻ tín dụng với số tài khoản là VS0170000030, loại thẻ Visa Signature, hạn mức 500.000.000 đồng, ngày hiệu lực 04/22. Ông **H** kích hoạt thẻ vào ngày 26/03/2021. Đến ngày 21/7/2022 ông **H** thanh toán xong dư nợ tín dụng đối với thẻ tín dụng nên **Ngân hàng V** rút lại yêu cầu khởi kiện ông **H** trả nợ thẻ tín dụng.

2. Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông **L** xác nhận ông **Ngô Mạnh H** có vay vốn và phát hành thẻ tín dụng tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** theo các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng hạn mức và ký kết các Hợp đồng thế chấp như đại diện **Ngân hàng V** trình bày.

Ông **H** vay tiền để đầu tư bất động sản nhưng do chưa có kinh nghiệm và do trong thời gian vừa qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã phải phong tỏa, cách ly trong thời gian dài để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19 dẫn đến tình hình kinh doanh của ông **Ngô Mạnh H** bị ảnh hưởng nghiêm trọng và không có doanh số; ông **H** cũng bị nhiễm Covid-19 hai lần làm ảnh hưởng tới sức khỏe gần như mất khả năng lao động.

Theo ông **L** được biết, trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, các Ngân hàng đều có chương trình, kế hoạch hỗ trợ tối đa hoặc miễn giảm lãi cho khách hàng. Vì vậy trên tinh thần thiện chí, hợp tác, ông **L** đề nghị **Ngân hàng V**

miễn toàn bộ các khoản nợ lãi đối với các khoản vay của ông **Ngô Mạnh H**. Đối với khoản nợ gốc, ông **Ngô Mạnh H** sẽ thực hiện thanh toán dứt điểm một lần.

Ông **L** xác nhận ông **H** đã tắt toán toàn bộ nợ thẻ tín dụng đối với **Ngân hàng V**.

3. Bản án số 502/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần N**.

1. Buộc ông **Ngô Mạnh H** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần N** số tiền 73.180.888.874 đồng, gồm nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/9/2022.

2. Trường hợp ông **Ngô Mạnh H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, **Ngân hàng thương mại cổ phần N** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp sau: Quyền sử dụng đất với diện tích 172,7 m² thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ **B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00378 do **Ủy ban nhân dân Quận U**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2014; Quyền sử dụng đất với diện tích 2541,5 m² thuộc thửa 410, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ **B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01771 do **Ủy ban nhân dân quận B**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2019. Và Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất diện tích 1846.2 m² thuộc thửa 412, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ **B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01772 do **Ủy ban nhân dân quận B**, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2019.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu ông **Ngô Mạnh H** trả nợ thẻ tín dụng VS0170000030 của **Ngân hàng thương mại cổ phần N**.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả thanh toán theo hợp đồng, án phí, quyền kháng cáo.

4. Ngày 01/10/2022, ông **Đỗ Mạnh L** với tư cách đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông **Ngô Mạnh H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Ngô Nguyễn Dạ T** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

5. Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn đề nghị huỷ án sơ thẩm lý do cấp sơ thẩm đã giải quyết sai thẩm quyền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Ngô Nguyễn Dạ T** tại thời điểm cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đang ở nước ngoài nên thẩm quyền thuộc Toà án cấp tỉnh.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ chứng cứ và có quyết định phù hợp pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của ông **Đỗ Mạnh L** với tư cách đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông **Ngô Mạnh H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Ngô Nguyễn Dạ T** nộp trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án sơ thẩm số 502/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất khoản vay từ các hợp đồng tín dụng, thống nhất số dư nợ gốc, lãi suất theo hợp đồng và tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản nợ; thống nhất việc đã tắt toán xong thẻ tín dụng. Bị đơn chỉ yêu cầu **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** miễn hoặc giảm lãi suất để tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán nợ gốc một lần.

Sau khi nộp đơn kháng cáo, đại diện theo uỷ quyền của ông **H**, bà **T** đề nghị xem xét thẩm quyền giải quyết vụ án vì cho rằng tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện bà **Ngô Nguyễn Dạ T** đang sinh sống, học tập ổn định ở nước ngoài và

chỉ về Việt Nam để làm thủ tục uỷ quyền, đề nghị Toà án thu tập tài liệu xuất nhập cảnh của bà T.

Xét thấy, căn cứ kết quả xác minh tại Công văn số 1697/TAHBC ngày 23/6/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Ban chỉ huy Công an phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “Ông Ngô Mạnh H, bà Ngô Nguyễn Dạ T, bà Nguyễn Thị Tl có HKTT tại B N, phường Đ, Quận A, thực tế cư trú tại đây”. Ông Đỗ Mạnh L không có chứng cứ mới cung cấp tại phiên toà phúc thẩm. Tại phiên toà ông L cung cấp chứng cứ là Đơn xin xác nhận của bà Ngô Nguyễn Dạ T có xác nhận của Đ tại Hà Lan, tuy nhiên chứng nhận của Đ không xác nhận bà T cư trú tại Hà Lan từ năm 2019.

Đối với nội dung vụ án về quyết định của cấp sơ thẩm là đúng với quy định của pháp luật nên giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên, cách tuyên của án sơ thẩm dài, khó thi hành án nên cần điều chỉnh cách tuyên.

[3]. Về án phí: Giữ nguyên án phí sơ thẩm. Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đỗ Mạnh L với tư cách đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Ngô Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Nguyễn Dạ T.

2. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Mạnh L với tư cách đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Ngô Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Nguyễn Dạ T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 502/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tuyên xử:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với ông Ngô Mạnh H về nợ thẻ tín dụng VS0170000030.

3.2. Buộc ông Ngô Mạnh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 73.180.888.874 đồng là nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo 04 hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn đã ký số 017/17/01/0531 ngày 28/11/2017; số 017/19/01/0155 ngày 14/5/2019; số 017/19/01/0337 ngày 19/9/2019; số 017/20/01/0030 ngày 16/01/2020 tính đến ngày 25/9/2022.

3.3. Trường hợp ông Ngô Mạnh H thanh toán đủ các khoản nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần N có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ bản chính giấy tờ tài sản thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay.

3.4. Trường hợp ông Ngô Mạnh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00378 do Ủy ban nhân dân Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2014 cho ông Ngô Mạnh H và bà Nguyễn Thị T1, cập nhật tặng phần sở hữu của bà Nguyễn Thị T1 cho ông Ngô Mạnh H ngày 11/9/2017 với diện tích 172,7 m² thuộc thửa 44, tờ bản đồ số 45 tại địa chỉ B N, phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01771 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2019, cập nhật chuyển nhượng cho bà Ngô Nguyễn Dạ T ngày 01/3/2019 với diện tích 2541,5 m² thuộc thửa 410, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01772 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2019, cập nhật chuyển nhượng cho bà Ngô Nguyễn Dạ T ngày 01/3/2019 với diện tích 1846.2 m² thuộc thửa 412, tờ bản đồ số 34 tại địa chỉ B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Ngô Mạnh H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N từ ngày 26/9/2022 trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số nợ trên theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong thoả thuận đã ký tại 04 hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số

017/17/01/0531 ngày 28/11/2017; số 017/19/01/0155 ngày 14/5/2019; số 017/19/01/0337 ngày 19/9/2019; số 017/20/01/0030 ngày 16/01/2020.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Ngô Mạnh H** phải chịu 181.180.889 đồng.

- **H1** lại cho **Ngân hàng thương mại cổ phần N** số tiền 88.006.780 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040368 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông **Ngô Mạnh H** phải chịu 300.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông **H** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042053 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Ngô Nguyễn Dạ T** phải chịu 300.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà **T** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042054 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp